

**ỦY BAN NHÂN DÂN
TỈNH ĐỒNG NAI**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: 379 /BC-UBND

Đồng Nai, ngày 31 tháng 10 năm 2024

BÁO CÁO ĐÁNH GIÁ THỰC TRẠNG

Các vấn đề liên quan đến chính sách quy định đối tượng, mức hỗ trợ trong dịp Tết Nguyên đán năm 2025 và các năm tiếp theo trên địa bàn tỉnh

I. ĐÁNH GIÁ THỰC TRẠNG QUY ĐỊNH PHÁP LUẬT VỀ VIỆC QUY ĐỊNH ĐỐI TƯỢNG, MỨC HỖ TRỢ TRONG DỊP TẾT NGUYÊN ĐÁN TRÊN ĐỊA BÀN TỈNH ĐỒNG NAI HÀNG NĂM

- Hàng năm, Tết Nguyên đán là lễ lớn của cả nước, là dịp để người dân Việt Nam thể hiện các truyền thống cao đẹp “Uống nước nhớ nguồn”, “Lá lành đùm lá rách”, tương thân tương ái giữa các dân tộc, các thành phần kinh tế xã hội. Hòa cùng truyền thống tốt đẹp này, trong nhiều năm qua, Đảng và chính quyền tỉnh Đồng Nai đã thực hiện chính sách chăm lo, hỗ trợ vào dịp Tết nguyên đán cho các đối tượng sau:

+ Một số đối tượng cán bộ, lãnh đạo, đảng viên và gia đình những người đang sinh sống trên địa bàn tỉnh đã góp sức vào công cuộc giải phóng và xây dựng đất nước, chính quyền tỉnh Đồng Nai.

+ Công chức, viên chức và những người đang làm việc, đóng góp vào công tác quản lý nhà nước, phát triển các lĩnh vực sự nghiệp, tổ chức Đảng, đoàn thể, hội quần chúng trên địa bàn tỉnh.

+ Những người có hoàn cảnh khó khăn, yếu thế, dễ bị tổn thương, người thuộc đối tượng bảo trợ xã hội.

1. Quy trình xây dựng và tổ chức thực hiện

Kể từ năm 2010 đến nay, UBND tỉnh Đồng Nai căn cứ tình hình thực tế hằng năm (có xin ý kiến của Thường trực Tỉnh ủy và thường trực HĐND tỉnh) đã ban hành các Quyết định về hỗ trợ trong dịp Tết Nguyên Đán để làm cơ sở hỗ trợ, chăm lo các đối tượng nêu trên trong dịp Tết Nguyên Đán, cụ thể giai đoạn năm 2022-2024 như sau:

a. Hỗ trợ tết Nguyên đán Nhâm Dần năm 2022

Thực hiện ý kiến của Ban Thường vụ Tỉnh ủy về các nội dung chuẩn bị Tết Nguyên đán Nhâm Dần năm 2022 tại văn bản số 2663-CV/TU ngày 30/11/2021 về việc kết luận của Ban Thường vụ Tỉnh ủy tại cuộc họp ngày 26/11/2021 về kinh phí tặng quà tết Nguyên đán Nhâm Dần 2022 cho cán bộ chính sách; UBND

tỉnh đã có công văn số 15002/UBND-KTNS ngày 03/12/2021 về việc triển khai kết luận của Ban thường vụ Tỉnh ủy tại công văn 2663-CV/TU ngày 30/11/2021. Trên cơ sở tình hình thực tế ước thực hiện thu – chi ngân sách năm 2021, số liệu các đơn vị báo cáo¹ Sở Tài chính đã tổng hợp, dự thảo Quyết định hỗ trợ trong dịp Tết Nguyên đán Nhâm Dần năm 2022 gửi các đơn vị liên quan góp ý.

Trên cơ sở góp ý của các đơn vị² và chỉ đạo của UBND tỉnh tại công văn số 15696/UBND-KTNS ngày 16/12/2021 về thông báo kết luận của Phó Chủ tịch tỉnh Nguyễn Sơn Hùng tại cuộc họp ngày 15/12/2021 với nội dung đề xuất về việc hỗ trợ cho người lao động có hoàn cảnh khó khăn và trợ cấp trong dịp tết nguyên đán 2022, Sở Tài chính hoàn chỉnh dự thảo Quyết định hỗ trợ trong dịp Tết Nguyên đán Nhâm Dần năm 2022 tham mưu UBND tỉnh trình xin ý kiến Thường trực Hội đồng nhân dân tỉnh về chủ trương hỗ trợ trong dịp Tết Nguyên đán Nhâm Dần năm 2022 tại văn bản số 16113/UBND-KTNS ngày 24/12/2021. Ban cán sự Đảng UBND tỉnh cũng đã có báo cáo xin ý kiến Ban Thường vụ Tỉnh ủy tại văn bản số 839-CV/BCSD ngày 24/12/2021 về việc xin ý kiến chủ trương hỗ trợ trong dịp tết Nguyên đán Nhâm Dần năm 2022.

Trên cơ sở chấp thuận của Ban Thường vụ Tỉnh ủy tại văn bản số 2929-CV/TU ngày 31/12/2021 về ý kiến kết luận của Ban Thường vụ Tỉnh ủy tại kỳ họp ngày 31/12/2021 về chấp thuận chủ trương hỗ trợ trong dịp Tết Nguyên đán 2022 và thống nhất chủ trương của Thường trực HĐND tỉnh tại công văn số 10/HĐND-VP ngày 10/1/2022 về việc chủ trương hỗ trợ trong dịp Tết Nguyên đán Nhâm Dần năm 2022; UBND tỉnh đã ban hành Quyết định số 77/QĐ-UBND ngày 10/1/2022 hỗ trợ trong dịp Tết Nguyên đán Nhâm Dần năm 2022.

Theo báo cáo của Liên đoàn lao động tỉnh, trong các năm qua tình hình chính trị, xã hội, kinh tế thế giới và khu vực có diễn biến phức tạp, khó lường, áp lực lạm phát tăng cao làm ảnh hưởng đến hoạt động sản xuất kinh doanh các doanh nghiệp trên địa bàn tỉnh đồng thời làm ảnh hưởng nghiêm trọng đến việc làm của người lao động. Thu nhập giảm, tình hình đời sống, sinh hoạt của người lao động trên địa bàn tỉnh gặp rất nhiều khó khăn. Để thể hiện sự quan tâm, hỗ trợ của các cấp ủy Đảng, chính quyền của tỉnh nhằm khích lệ cho công nhân lao động cả về vật chất và tinh thần, các năm qua Tỉnh ủy cũng chấp thuận chủ trương hỗ trợ cho các công nhân có hoàn cảnh khó khăn theo đề xuất của Liên đoàn lao động vào dịp Tết nguyên đán.

Thêm vào đó, nhằm động viên tinh thần cán bộ, chiến sỹ làm nhiệm vụ trong dịp Tết nguyên đán, Bộ Chỉ huy quân sự tỉnh cũng đề xuất thăm hỏi, chúc tết các

¹ Sở Lao động Thương binh và Xã hội, Ban tổ chức Tỉnh ủy, Công an tỉnh, Bộ chỉ huy quân sự tỉnh, Sở Giáo dục và Đào tạo, Văn phòng Tỉnh ủy, Văn phòng UBND tỉnh...

² Sở Lao động thương binh và Xã hội; Ban Tổ chức Tỉnh ủy; Sở Y tế; Bộ Chỉ huy quân sự tỉnh; Công an tỉnh; Sở Giáo dục và Đào tạo; Sở Văn hóa Thể thao và Du lịch, Sở Nội vụ; Sở Tư pháp.....

đơn vị Quân đội đóng quân trong và ngoài địa bàn tỉnh dịp Tết nguyên đán. Các năm qua Tỉnh ủy thống nhất chủ trương hỗ trợ các đơn vị quân sự nhằm tăng cường sự phối hợp với lực lượng vũ trang trong việc giữ vững an ninh chính trị, trật tự an toàn xã hội trên địa bàn tỉnh.

Quy định cụ thể về đối tượng và mức hỗ trợ theo Phụ lục số 1 đính kèm.

b. Hỗ trợ Tết Nguyên đán Quý Mão năm 2023

Thực hiện chủ trương hỗ trợ Tết nguyên đán cho một số đối tượng trên địa bàn tỉnh Đồng Nai do ngân sách nhà nước cấp trong dịp Tết Nguyên đán cổ truyền dân tộc Quý Mão năm 2023. Trên cơ sở tình hình thực tế ước thực hiện thu – chi ngân sách năm 2022, số liệu các đơn vị báo cáo³ Sở Tài chính đã tổng hợp, dự thảo Quyết định hỗ trợ trong dịp Tết Nguyên đán Quý Mão năm 2023 gửi các đơn vị liên quan góp ý.

Trên cơ sở góp ý của các đơn vị⁴, Sở Tài chính hoàn chỉnh dự thảo Quyết định hỗ trợ trong dịp Tết Nguyên đán Quý Mão năm 2023 tham mưu UBND tỉnh trình xin ý kiến Thường trực Hội đồng nhân dân tỉnh về chủ trương hỗ trợ trong dịp Tết Nguyên đán Quý Mão năm 2023 tại văn bản số 13558/UBND-KTNS ngày 13/12/2022. Ban cán sự Đảng UBND tỉnh cũng đã có báo cáo xin ý kiến Ban Thường vụ Tỉnh ủy tại văn bản số 1256-CV/BCSD ngày 27/12/2022 về việc xin ý kiến chủ trương hỗ trợ trong dịp tết Nguyên đán Quý Mão năm 2023.

Thực hiện chỉ đạo của Ban Thường vụ Tỉnh ủy tại văn bản số 4533-CV/TU ngày 28/12/2022 về ý kiến kết luận của Ban Thường vụ Tỉnh ủy tại kỳ họp ngày 28/12/2022 về chấp thuận chủ trương hỗ trợ trong dịp Tết Nguyên đán 2023 đồng thời đề nghị Ban Cán sự Đảng UBND tỉnh chỉ đạo các cơ quan liên quan rà soát, bổ sung, điều chỉnh một số nội dung⁵ và thống nhất chủ trương của Thường trực HĐND tỉnh tại công văn số 06/HĐND-VP ngày 06/01/2023 về việc chủ trương hỗ trợ trong dịp Tết Nguyên đán Quý Mão năm 2023; UBND tỉnh đã ban hành Quyết định số 38/QĐ-UBND ngày 06/01/2023 hỗ trợ trong dịp Tết Nguyên đán Quý Mão năm 2023.

Theo báo cáo của Liên đoàn lao động tỉnh, trong các năm qua tình hình chính trị, xã hội, kinh tế thế giới và khu vực có diễn biến phức tạp, khó lường, áp lực lạm phát tăng cao làm ảnh hưởng đến hoạt động sản xuất kinh doanh các

³ Sở Lao động Thương binh và Xã hội, Ban tổ chức Tỉnh ủy, Công an tỉnh, Bộ chỉ huy quân sự tỉnh, Sở Giáo dục và Đào tạo, Văn phòng Tỉnh ủy, Văn phòng UBND tỉnh...

⁴ Sở Lao động thương binh và Xã hội; Ban Tổ chức Tỉnh ủy; Sở Y tế; Bộ Chỉ huy quân sự tỉnh; Công an tỉnh; Sở Giáo dục và Đào tạo; Sở Văn hóa Thể thao và Du lịch, Sở Nội vụ; Sở Tư pháp.....

⁵ (1) Nghiên cứu, bổ sung các đối tượng nguyên Ủy viên Trung ương Đảng hiện đang cư trú, sinh hoạt Đảng tại tỉnh Đồng Nai; Phó Chủ tịch, Ủy viên trường trực (không là Tỉnh ủy viên) của Hội đồng nhân dân tỉnh, Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam tỉnh hiện đã nghỉ hưu. (2) Tại mục 1.8, điều chỉnh mức hỗ trợ cho Đảng viên từ 30 năm đến 39 năm tuổi Đảng là 1.500.000 đồng. (3) Đối với các đối tượng là Mẹ Việt Nam Anh hùng, ngoài mức hỗ trợ Tết theo đề nghị của Ban Cán sự đảng Ủy ban nhân dân tỉnh, đề nghị nghiên cứu, bổ sung một phần quà Tết trị giá 1.000.000 đồng cho mỗi gia đình.

doanh nghiệp trên địa bàn tỉnh đồng thời làm ảnh hưởng nghiêm trọng đến việc làm của người lao động. Thu nhập giảm, tình hình đời sống, sinh hoạt của người lao động trên địa bàn tỉnh gặp rất nhiều khó khăn. Để thể hiện sự quan tâm, hỗ trợ của các cấp ủy Đảng, chính quyền của tỉnh nhằm khích lệ cho công nhân lao động cả về vật chất và tinh thần, các năm qua Tỉnh ủy cũng chấp thuận chủ trương hỗ trợ cho các công nhân có hoàn cảnh khó khăn theo đề xuất của Liên đoàn lao động vào dịp Tết nguyên đán.

Thêm vào đó, nhằm động viên tinh thần cán bộ, chiến sỹ làm nhiệm vụ trong dịp Tết nguyên đán, Bộ Chỉ huy quân sự tỉnh cũng đề xuất thăm hỏi, chúc tết các đơn vị Quân đội đóng quân trong và ngoài địa bàn tỉnh dịp Tết nguyên đán. Các năm qua Tỉnh ủy thống nhất chủ trương hỗ trợ các đơn vị quân sự nhằm tăng cường sự phối hợp với lực lượng vũ trang trong việc giữ vững an ninh chính trị, trật tự an toàn xã hội trên địa bàn tỉnh.

Quy định cụ thể về đối tượng và mức hỗ trợ theo Phụ lục số 2 đính kèm.

c. Hỗ trợ Tết Nguyên Đán Giáp Thìn năm 2024

Trên cơ sở kết luận của đồng chủ tịch Hội đồng Nhân dân tỉnh tại hội nghị thống nhất nội dung chương trình kỳ họp thường lệ cuối năm 2023 của HĐND tỉnh khoá X vào ngày 02/10/2023. Thực hiện quy trình ban hành văn bản quy phạm pháp luật, Sở Tài chính đã có công văn số 5908/STC-NSNN ngày 03/10/2023 dự thảo Tờ trình của UBND tỉnh trình HĐND tỉnh về đề nghị xây dựng Nghị quyết quy định đối tượng, mức hỗ trợ trong dịp tết Nguyên Đán trên địa bàn tỉnh Đồng Nai. UBND tỉnh đã có Tờ trình số 126/TTr-UBND ngày 18/10/2023 trình Thường trực Hội đồng nhân dân tỉnh đề nghị xây dựng nghị quyết quy định đối tượng, mức hỗ trợ trong dịp tết Nguyên đán trên địa bàn tỉnh Đồng Nai.

Thực hiện ý kiến của Thường trực HĐND tỉnh tại công văn số 702/HĐND-VP ngày 20/10/2023 về việc phúc đáp Tờ trình xây dựng Nghị quyết quy định đối tượng, mức hỗ trợ trong dịp tết Nguyên đán trên địa bàn tỉnh Đồng Nai, UBND tỉnh đã có công văn số 11851/UBND-KTNS ngày 07/11/2023 giao Sở Tài chính khẩn trương xây dựng Nghị quyết tham mưu UBND tỉnh báo cáo trình HĐND tỉnh tại kỳ họp gần nhất trong năm 2024.

UBND tỉnh đã có văn bản số 13941/UBND-KTNS ngày 22/12/2023 trình xin ý kiến Thường trực Hội đồng nhân dân tỉnh về chủ trương hỗ trợ trong dịp Tết Nguyên đán Giáp Thìn năm 2024. Ban cán sự Đảng UBND tỉnh cũng đã có báo cáo xin ý kiến Ban Thường vụ Tỉnh ủy tại văn bản số 1611-CV/BCSD ngày 22/12/2023 về việc xin ý kiến chủ trương hỗ trợ trong dịp tết Nguyên đán Giáp Thìn năm 2024.

Trên cơ sở ý kiến của Thường trực HĐND tỉnh tại công văn số 900/HĐND-VP ngày 27/12/2023 về chủ trương hỗ trợ trong dịp Tết Nguyên đán Giáp Thìn

năm 2024, trong đó đề nghị UBND tỉnh khẩn trương rà soát, hoàn thiện hồ sơ trình HĐND tỉnh xem xét, quyết định tại kỳ họp thứ 15 HĐND tỉnh theo quy định; UBND tỉnh đã có Tờ trình số 03/TTr-UBND ngày 04/1/2024 dự thảo Nghị quyết về chủ trương hỗ trợ trong dịp Tết Nguyên đán Giáp Thìn năm 2024 trên địa bàn tỉnh Đồng Nai gửi Hội đồng nhân dân tỉnh Đồng Nai. Ngày 19/01/2024, Hội đồng nhân dân tỉnh ban hành Nghị quyết số 02/NQ-HĐND về chủ trương hỗ trợ trong dịp tết Nguyên đán Giáp Thìn năm 2024 trên địa bàn tỉnh Đồng Nai, trong đó giao Ủy ban nhân dân tỉnh tổ chức thực hiện Nghị quyết nêu trên. UBND tỉnh đã ban hành Quyết định số 179/QĐ-UBND ngày 19/01/2024 về việc thực hiện hỗ trợ trong dịp tết Nguyên đán Giáp Thìn năm 2024 theo Nghị quyết số 02/NQ-HĐND ngày 19 tháng 01 năm 2024 của Hội đồng nhân dân tỉnh.

Theo báo cáo của Liên đoàn lao động tỉnh, trong các năm qua tình hình chính trị, xã hội, kinh tế thế giới và khu vực có diễn biến phức tạp, khó lường, áp lực lạm phát tăng cao làm ảnh hưởng đến hoạt động sản xuất kinh doanh các doanh nghiệp trên địa bàn tỉnh đồng thời làm ảnh hưởng nghiêm trọng đến việc làm của người lao động. Thu nhập giảm, tình hình đời sống, sinh hoạt của người lao động trên địa bàn tỉnh gặp rất nhiều khó khăn. Để thể hiện sự quan tâm, hỗ trợ của các cấp ủy Đảng, chính quyền của tỉnh nhằm khích lệ cho công nhân lao động cả về vật chất và tinh thần, các năm qua Tỉnh ủy cũng chấp thuận chủ trương hỗ trợ cho các công nhân có hoàn cảnh khó khăn theo đề xuất của Liên đoàn lao động vào dịp Tết nguyên đán.

Thêm vào đó, nhằm động viên tinh thần cán bộ, chiến sỹ làm nhiệm vụ trong dịp Tết nguyên đán, Bộ Chỉ huy quân sự tỉnh cũng đề xuất thăm hỏi, chúc tết các đơn vị Quân đội đóng quân trong và ngoài địa bàn tỉnh dịp Tết nguyên đán. Các năm qua Tỉnh ủy thống nhất chủ trương hỗ trợ các đơn vị quân sự nhằm tăng cường sự phối hợp với lực lượng vũ trang trong việc giữ vững an ninh chính trị, trật tự an toàn xã hội trên địa bàn tỉnh.

Quy định cụ thể về đối tượng và mức hỗ trợ theo Phụ lục số 3 đính kèm.

Tuy nhiên, chính sách chăm lo, hỗ trợ các đối tượng nêu trên chưa được ban hành trong các văn bản quy phạm pháp luật của Chính phủ và các Bộ ngành. Theo quy định của Luật Ngân sách nhà nước⁶ việc quyết định các chế độ chi ngân sách có tính chất đặc thù ở địa phương thuộc thẩm quyền của Hội đồng nhân dân tỉnh.

2. Kinh phí thực hiện

Kinh phí hỗ trợ trong dịp tết Nguyên đán hàng năm sử dụng từ nguồn ngân

⁶ Điều 9 khoản 9 Điều 30 Luật Ngân sách nhà nước 2015 về thẩm quyền của Hội đồng nhân dân cấp tỉnh: “Quyết định các chế độ chi ngân sách đối với một số nhiệm vụ chỉ có tính chất đặc thù ở địa phương ngoài các chế độ, tiêu chuẩn, định mức chi ngân sách do Chính phủ, Bộ trưởng Bộ Tài chính ban hành để thực hiện nhiệm vụ phát triển kinh tế - xã hội, bảo đảm trật tự, an toàn xã hội trên địa bàn, phù hợp với khả năng cân đối của ngân sách địa phương.”

sách nhà nước đảm bảo theo phân cấp ngân sách nhà nước hiện hành và các nguồn thu hợp pháp khác theo quy định, cụ thể giai đoạn năm 2022-2024 như sau:

- Năm 2022: Dự toán kinh phí hỗ trợ 273.247.400.000 đồng.
- Năm 2023: Dự toán kinh phí hỗ trợ 318.321.227.000 đồng
- Năm 2024: Dự toán kinh phí hỗ trợ 311.650.129.000 đồng

(Đính kèm phụ lục chi tiết)

II. KIẾN NGHỊ CHÍNH SÁCH TRONG NĂM 2025 VÀ CÁC NĂM TIẾP THEO TRÊN ĐỊA BÀN TỈNH ĐỒNG NAI

Để tiếp tục duy trì và phát huy các truyền thống tốt đẹp của dân tộc: “ Lá lành đùm lá rách”, “ Uống nước nhớ nguồn” và bảo đảm việc hỗ trợ thăm hỏi, tặng quà cho đối tượng trong dịp tết Nguyên đán hàng năm trên địa bàn tỉnh Đồng Nai đúng quy định của Luật Ngân sách nhà nước, Luật tổ chức chính quyền, Luật ban hành văn bản quy phạm pháp luật...., phù hợp với thực tiễn và khả năng cân đối ngân sách địa phương trên cơ sở kế thừa các quy định của tỉnh hàng năm thì việc ban hành Nghị quyết quy định đối tượng, mức chi hỗ trợ trong dịp tết Nguyên đán năm 2025 và các năm tiếp theo trên địa bàn tỉnh Đồng Nai là phù hợp và cần thiết.

Trên đây là đánh giá thực trạng chính sách của Ủy ban nhân dân tỉnh liên quan đến quy định đối tượng, mức hỗ trợ trong dịp Tết Nguyên đán năm 2025 và các năm tiếp theo trên địa bàn tỉnh Đồng Nai./.

Nơi nhận:

- Thường trực Tỉnh ủy;
- Thường trực HĐND tỉnh;
- Chủ tịch, các PCT UBND tỉnh;
- Các Sở: Tư pháp; Nội vụ; Tài chính;
- Chánh, Phó CVP UBND tỉnh;
- Lưu: VT, THNC, KTNS.

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
CHỦ TỊCH**



Võ Tấn Đức



Phụ lục I

TÓM TẮT QUY ĐỊNH ĐỐI TƯỢNG VÀ MỨC CHI HỖ TRỢ TẾT NGUYÊN ĐÁN NĂM 2022

(Kèm theo Báo cáo số 379 /BC-UBND ngày 31 tháng 10 năm 2024 của Ủy ban nhân dân tỉnh Đồng Nai)

1. Mức 5.000.000 đồng/người hỗ trợ cho các đồng chí:
 - a) Là đảng viên 65 năm tuổi Đảng trở lên (Riêng các đồng chí có 70 năm tuổi Đảng trở lên mỗi đồng chí kèm theo 01 phần quà trị giá 1.000.000 đồng/đồng chí).
 - b) Là cán bộ hoạt động cách mạng trước Cách mạng tháng 8 năm 1945.
2. Mức 3.000.000 đồng/người hỗ trợ cho các đồng chí là: Đảng viên từ 55 năm đến 64 năm tuổi Đảng.
3. Mức 1.500.000 đồng/người hỗ trợ cho các đồng chí là: Đảng viên từ 40 năm đến 54 năm tuổi Đảng.
4. Mức 1.000.000 đồng/người (hoặc 1.000.000 đồng/hộ) hỗ trợ cho các đối tượng sau:
 - a) Đảng viên từ 30 năm đến 39 năm tuổi Đảng.
 - b) Cán bộ công chức, viên chức trong biên chế (kể cả hợp đồng lao động theo Điều 3 Nghị định số 161/2018/NĐ-CP ngày 29/11/2018 của Chính phủ - được chuyển từ hợp đồng theo Nghị định số 68/2000/NĐ-CP ngày 17/11/2000 của Chính phủ và các hợp đồng lao động đã được Ban thường vụ Tỉnh ủy chấp thuận còn hiệu lực đến thời điểm hiện nay) hiện đang công tác trong cơ quan quản lý nhà nước, hành chính sự nghiệp, tổ chức Đảng, các tổ chức đoàn thể, các hội quần chúng hiện đang hưởng lương từ ngân sách cấp tỉnh, cấp huyện và nhân viên của 06 bệnh viện công lập của tỉnh đã thực hiện cơ chế tự chủ tài chính về chi thường xuyên (gồm: Bệnh viện đa khoa Đồng Nai; Bệnh viện đa khoa khu vực Long Khánh; Bệnh viện đa khoa Thống Nhất; Bệnh viện Nhi Đồng Nai; Bệnh viện đa khoa khu vực Định Quán; Bệnh viện đa khoa khu vực Long Thành).
 - c) Cán bộ chuyên trách, công chức cấp xã (kể cả hợp đồng lao động theo Điều 3 Nghị định số 161/2018/NĐ-CP ngày 29/11/2018 của Chính phủ - được chuyển từ hợp đồng theo Nghị định số 68/2000/NĐ-CP ngày 17/11/2000 của Chính phủ) và cán bộ không chuyên trách cấp xã, cán bộ ấp, khu phố theo Nghị quyết số 01/2020/NQ-HĐND ngày 10/7/2020 của HĐND tỉnh Đồng Nai.
 - d) Cán bộ công chức, viên chức trong biên chế (kể cả hợp đồng lao động theo Điều 3 Nghị định số 161/2018/NĐ-CP ngày 29/11/2018 của Chính phủ - được chuyển từ hợp đồng theo Nghị định số 68/2000/NĐ-CP ngày 17/11/2000 của Chính phủ) hiện đang công tác, làm việc ở một số cơ quan tại địa phương

nhưng hưởng kinh phí theo ngành dọc: Viện kiểm sát nhân dân tỉnh, Tòa án nhân dân tỉnh, Liên đoàn Lao động tỉnh, Cục Thống kê, Cục Quản lý Thị trường, Ngân hàng Nhà nước, Cục và Chi cục Thi hành án, Bảo hiểm xã hội; cán bộ, nhân viên của các cơ quan Thuế, Hải quan, Kho bạc Nhà nước trên địa bàn tỉnh; cán bộ, công chức phục vụ Đoàn Đại biểu Quốc hội tỉnh Đồng Nai; sĩ quan, hạ sĩ quan, quân nhân chuyên nghiệp, cán bộ chiến sĩ chính quy thuộc lực lượng vũ trang của các đơn vị gồm: Bộ chỉ huy Quân sự tỉnh, Công an tỉnh, Trại giam Xuân Lộc, Trường Giáo dưỡng số 04.

đ) Cán bộ, nhân viên trong biên chế (kể cả hợp đồng lao động theo Điều 3 Nghị định số 161/2018/NĐ-CP ngày 29/11/2018 của Chính phủ - được chuyển từ hợp đồng theo Nghị định số 68/2000/NĐ-CP ngày 17/11/2000 của Chính phủ) của một số cơ quan, trường học, bệnh viện của Trung ương nằm trên địa bàn tỉnh có mối quan hệ trực tiếp với địa phương gồm: Đài Khí tượng Thủy văn, Bệnh viện Tâm thần, Viện Pháp y tâm thần Trung ương Biên Hòa, Bệnh viện 7B, Trường Trung cấp Thống kê II, Trường Cao đẳng Trang trí Mỹ thuật Đồng Nai, Trường Đại học Lâm nghiệp cơ sở 2 (Trảng Bom), Trường Cao đẳng nghề Lilama II (Long Thành), Trường Cao đẳng nghề số 8 (Biên Hòa), Trường Cao đẳng nghề Cơ giới và Thủy lợi (Trảng Bom), Trường Trung cấp nghề Cơ điện 3 Đông Nam Bộ (Vĩnh Cửu), Vườn Quốc gia Cát Tiên, Phân xã Đồng Nai và phóng viên thường trú báo Nhân dân tại Đồng Nai; giáo viên Khoa Nghiên cứu Văn hóa người Diết - Trường Đại học Đồng Nai.

(Đối tượng nêu tại điểm b, c, d và đ nêu trên có hệ số lương cộng phụ cấp vượt khung từ 5,0 trở xuống hoặc có mức trợ cấp quy đổi từ 5,0 trở xuống bao gồm các mức lương: Cán sự có 12 bậc hệ số lương tối đa là 4,06; Chuyên viên có 9 bậc, hệ số lương tối đa là 4,98; Chuyên viên chính ở bậc 2 là 4,74).

e) Phó Trưởng công an xã và công an viên xã (công an viên thường trực ở xã và công an viên phụ trách ở ấp).

g) Phó Chỉ huy trưởng quân sự, lực lượng dân quân thường trực ở huyện; ở xã, phường, thị trấn.

h) Thân nhân liệt sĩ đang hưởng trợ cấp hàng tháng kể cả vợ hoặc chồng của liệt sĩ đã lấy chồng hoặc vợ khác đang hưởng trợ cấp hàng tháng, người hưởng trợ cấp thờ cúng liệt sĩ hoặc đang thờ cúng Mẹ Việt Nam anh hùng.

i) Người hoạt động kháng chiến bị nhiễm chất độc hóa học đang hưởng trợ cấp hàng tháng.

k) Thương binh, bệnh binh đã được xếp hạng có hồ sơ do Sở Lao động - Thương binh và Xã hội quản lý (trừ thương binh đang công tác ở những doanh nghiệp có hưởng lương).

l) Thương binh hiện đang công tác tại các lực lượng vũ trang do Công an và Bộ Chỉ huy quân sự tỉnh Đồng Nai quản lý và chi trả trợ cấp hàng tháng.

m) Mẹ Việt Nam Anh hùng, Anh hùng lực lượng vũ trang, anh hùng lao động trong kháng chiến, người có công giúp đỡ cách mạng.

n) Người hoạt động kháng chiến bị địch bắt tù đầy có hồ sơ tại Sở Lao động - Thương binh và Xã hội quản lý đang hưởng trợ cấp thường xuyên theo Pháp lệnh Ưu đãi người có công với cách mạng số 04/2012 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội.

o) Người hưởng lương hưu, người hưởng trợ cấp mất sức lao động, tai nạn lao động đang được hưởng trợ cấp thường xuyên hàng tháng. Riêng các đồng chí nguyên là Giám đốc Sở và tương đương đã nghỉ hưu nhưng không là Tỉnh ủy viên được hỗ trợ thêm 01 phần quà tương đương trị giá 1.000.000 đồng.

p) Người được hưởng chế độ tiền tuất (từ trần).

q) Người được hưởng trợ cấp phục vụ Mẹ Việt Nam Anh hùng, người hoạt động kháng chiến bị nhiễm chất độc hóa học, thương binh, bệnh binh nặng, người bị tai nạn lao động nặng trên 81%.

r) Con của người hoạt động kháng chiến bị nhiễm chất độc hóa học đang được hưởng trợ cấp thường xuyên.

s) Gia đình, thân nhân các đồng chí cán bộ đang làm nhiệm vụ ở nơi đặc biệt khó khăn gian khổ thuộc quần đảo Trường Sa và DK1 được hưởng mức hỗ trợ 1.000.000 đồng/hộ (không tính theo số người trong hộ).

t) Quân nhân tham gia kháng chiến chống Mỹ có dưới 20 năm công tác trong quân đội đã phục viên, xuất ngũ về địa phương được hưởng chế độ trợ cấp 4 hàng tháng theo Quyết định số 142/2008/QĐ-TTg ngày 27/10/2008, Quyết định số 53/2010/QĐ-TTg ngày 20/8/2010, Quyết định số 62/2011/QĐ-TTg ngày 09/11/2011 và Quyết định số 40/2011/QĐ-TTg ngày 27/7/2011 của Thủ tướng Chính phủ.

5. Mức 800.000 đồng/hộ hỗ trợ cho các đối tượng là:

a) Hộ nghèo đầu năm 2022 (không tính theo số người trong hộ) theo chuẩn của Trung ương tại Nghị định 07/2021/NĐ-CP ngày 27/01/2021 của Chính Phủ quy định chuẩn nghèo đa chiều giai đoạn 2021-2025.

b) Người hoạt động kháng chiến bị địch bắt tù đầy nhưng chưa có hồ sơ hưởng chế độ trợ cấp thường xuyên theo quy định do hồ sơ gốc bị thất lạc.

6. Mức 600.000 đồng/người (hoặc 600.000 đồng/hộ) hỗ trợ cho các đối tượng sau:

a) Hộ cận nghèo đầu năm 2022 (không tính theo số người trong hộ) theo chuẩn của Trung ương tại Nghị định 07/2021/NĐ-CP ngày 27/01/2021 của Chính Phủ quy định chuẩn nghèo đa chiều giai đoạn 2021-2025.

b) Học sinh đang học tại các Trường Dân tộc nội trú của tỉnh; Học sinh là người dân tộc thiểu số có hộ khẩu Đồng Nai và đang theo học ở các trường đại học, dự bị đại học, cao đẳng, trung cấp và các trung tâm cơ sở giáo dục nghề nghiệp; Học sinh của Khoa Nghiên cứu Văn hóa người Diết - Trường Đại học Đồng Nai.

c) Vận động viên thể dục thể thao trong đội tuyển, đội trẻ và năng khiếu do Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch quản lý.

d) Các đối tượng ở các Trung tâm Bảo trợ xã hội công lập và ngoài công lập (đã được cơ quan Nhà nước có thẩm quyền ra quyết định công nhận).

đ) Các đối tượng tại Trung tâm nuôi dạy trẻ khuyết tật thuộc Sở Giáo dục và Đào tạo.

e) Các đối tượng đang được hưởng chính sách trợ giúp xã hội thường xuyên tại cộng đồng.

7. Mức 400.000 đồng/người hỗ trợ cho các đối tượng sau:

a) Bệnh nhân đang nằm điều trị tại các cơ sở y tế của Trung ương và địa phương trên địa bàn tỉnh, Bệnh nhân đang điều trị COVID-19 tại các bệnh viện đã chiến của tỉnh quản lý do yêu cầu điều trị không về nhà ăn Tết với gia đình, phải ăn Tết tại cơ sở y tế;

b) Người lang thang cơ nhỡ tập trung về ăn Tết tại Trung tâm Bảo trợ huấn nghệ cô nhi Biên Hòa.

8. Mức 200.000 đồng/người hỗ trợ cho các đối tượng sau:

a) Học viên thuộc cơ sở điều trị nghiện ma túy.

b) Phạm nhân đã bị kết án đang được giam giữ trong các cơ sở giam giữ thuộc lực lượng Công an địa phương quản lý; Trại viên, học viên tại Trường Giáo dưỡng số 4 (xã An Phước, huyện Long Thành); Phạm nhân tại Trại giam Xuân Lộc thuộc Bộ Công an.

9. Các đơn vị khác gồm: Các đồng chí nguyên Bí thư tỉnh ủy, Phó bí thư tỉnh ủy; Ủy viên thường vụ tỉnh ủy, Ủy viên ban chấp hành đảng bộ tỉnh các khóa đã nghỉ hưu; Các đồng chí Trưởng, Phó các ban đảng, Ủy ban kiểm tra Tỉnh ủy đã nghỉ hưu nhưng không là Tỉnh ủy viên; Cán bộ chính sách và gia đình các cán bộ chính sách; Các đồng chí và gia đình các đồng chí có công đóng góp cho Tỉnh ủy Biên Hòa; Gia đình các đồng chí Ủy viên thường vụ Tỉnh ủy, Ủy viên ban chấp hành đảng bộ tỉnh các khóa đã nghỉ hưu, đã từ trần hưởng mức đề xuất hỗ trợ của

Ban Tổ chức Tỉnh ủy tại Công văn số 2430-CV/BTCTU ngày 25/11/2021 về việc đề xuất kinh phí tặng quà Tết nguyên đán năm 2022 cho cán bộ chính sách.



Phụ lục II

TÓM TẮT QUY ĐỊNH ĐỐI TƯỢNG VÀ MỨC CHI HỖ TRỢ TẾT NGUYÊN ĐÁN NĂM 2023

(Kèm theo Báo cáo số 379/BC-UBND ngày 31 tháng 10 năm 2024
của Ủy ban nhân dân tỉnh Đồng Nai)

1. Mức 15.000.000 đồng/người và 01 phần quà trị giá 1.500.000 đồng/người hỗ trợ cho các đồng chí nguyên ủy viên Trung ương Đảng hiện đang cư trú, sinh hoạt đảng tại Đồng Nai; nguyên Bí thư Tỉnh ủy, Phó bí thư Tỉnh ủy các khóa đã nghỉ hưu trên địa bàn tỉnh;
2. Mức 10.000.000 đồng/người và 01 phần quà trị giá 1.500.000 đồng/người hỗ trợ cho các đồng chí là ủy viên Ban Thường vụ Tỉnh ủy các khóa đã nghỉ hưu và các đồng chí hoạt động cách mạng trước Cách mạng tháng 8 năm 1945;
3. Mức 5.000.000 đồng/người và 01 phần quà trị giá 1.500.000 đồng/người hỗ trợ cho các đồng chí nguyên ủy viên Ban chấp hành Đảng bộ tỉnh các khóa;
4. Mức 3.000.000 đồng/người và 01 phần quà trị giá 1.500.000 đồng/người hỗ trợ cho các đồng chí là nguyên Phó chủ tịch HĐND tỉnh, ủy viên thường trực (không là tỉnh ủy viên) của HĐND tỉnh, ủy ban Mặt trận TQVN tỉnh hiện đã nghỉ hưu; nguyên trưởng, phó các ban Đảng, ủy viên UBKT Tỉnh ủy các khóa không là tỉnh ủy viên đã nghỉ hưu;
5. Mức 2.000.000 đồng/người và 01 phần quà trị giá 1.500.000 đồng/người hỗ trợ cho gia đình các đồng chí nguyên ủy viên Ban thường vụ Tỉnh ủy, ủy viên ban chấp hành Đảng bộ tỉnh các khóa đã từ trần; Cán bộ chính sách và gia đình cán bộ chính sách đã từ trần;
6. Hỗ trợ 01 phần quà trị giá 1.500.000 đồng/người cho các đồng chí, gia đình các đồng chí có công đóng góp cho tỉnh Biên Hòa cũ;
7. Mức 6.000.000 đồng/người và 01 phần quà trị giá 1.500.000 đồng/người hỗ trợ cho các đồng chí là đảng viên 70 năm tuổi Đảng trở lên;
8. Mức 6.000.000 đồng/người hỗ trợ cho các đồng chí là Đảng viên từ 65 năm đến 69 năm tuổi Đảng;
9. Mức 4.000.000 đồng/người hỗ trợ cho các đồng chí là Đảng viên từ 55 năm đến 64 năm tuổi Đảng;
10. Mức 2.000.000 đồng/người hỗ trợ cho các đồng chí là Đảng viên từ 40 năm đến 54 năm tuổi Đảng;
11. Mức 1.500.000 đồng/người hỗ trợ cho các đồng chí là Đảng viên từ 30 năm đến 39 năm tuổi Đảng;
12. Mức 1.200.000 đồng/người (hoặc 1.200.000 đồng/hộ) hỗ trợ cho các đối tượng sau:

12.1. Cán bộ công chức, viên chức trong biên chế và các hợp đồng lao động đã được Ban thường vụ Tỉnh ủy chấp thuận còn hiệu lực đến thời điểm hiện nay hiện đang công tác trong cơ quan quản lý nhà nước, hành chính sự nghiệp, tổ chức Đảng, các tổ chức đoàn thể, các hội quần chúng hiện đang hưởng lương từ ngân sách cấp tỉnh, cấp huyện và nhân viên của 06 bệnh viện công lập của tỉnh đã thực hiện cơ chế tự chủ tài chính về chi thường xuyên (gồm: Bệnh viện đa khoa Đồng Nai; Bệnh viện đa khoa khu vực Long Khánh; Bệnh viện đa khoa Thống Nhất; Bệnh viện Nhi Đồng Nai; Bệnh viện đa khoa khu vực Định Quán; Bệnh viện đa khoa khu vực Long Thành);

12.2. Cán bộ, công chức cấp xã và cán bộ không chuyên trách cấp xã, cán bộ ấp, khu phố theo Nghị quyết số 01/2020/NQ-HĐND ngày 10/7/2020 của HĐND tỉnh Đồng Nai;

12.3. Cán bộ công chức, viên chức trong biên chế hiện đang công tác, làm việc ở một số cơ quan tại địa phương nhưng hưởng kinh phí theo ngành dọc: Viện kiểm sát nhân dân tỉnh, Tòa án nhân dân tỉnh, Liên đoàn Lao động tỉnh, Cục Thống kê, Cục Quản lý Thị trường, Ngân hàng Nhà nước, Cục và Chi cục Thi hành án, Bảo hiểm xã hội; Chi cục dự trữ nhà nước Đồng Nai; cán bộ, nhân viên của các cơ quan Thuế, Hải quan, Kho bạc Nhà nước trên địa bàn tỉnh; cán bộ, công chức phục vụ Đoàn Đại biểu Quốc hội tỉnh Đồng Nai; sĩ quan, hạ sĩ quan, quân nhân chuyên nghiệp, cán bộ chiến sĩ chính quy thuộc lực lượng vũ trang của các đơn vị gồm: Bộ chỉ huy Quân sự tỉnh, Công an tỉnh, Trại giam Xuân Lộc, Trường Giáo dưỡng số 04;

12.4. Cán bộ, nhân viên trong biên chế của một số cơ quan, trường học, bệnh viện của Trung ương nằm trên địa bàn tỉnh có mối quan hệ trực tiếp với địa phương gồm: Đài Khí tượng Thủy văn, Bệnh viện Tâm thần, Viện Pháp y tâm thần Trung ương Biên Hòa, Bệnh viện 7B, Trường Trung cấp Thống kê II, Trường Cao đẳng Trang trí Mỹ thuật Đồng Nai, Trường Đại học Lâm nghiệp cơ sở 2 (Trảng Bom), Trường Cao đẳng nghề Lilama II (Long Thành), Trường Cao đẳng nghề số 8 (Biên Hòa), Trường Cao đẳng nghề Cơ giới và Thủy lợi (Trảng Bom), Trường Trung cấp nghề Cơ điện Đông Nam Bộ (Vĩnh Cửu), Vườn Quốc gia Cát Tiên, Phân xã Đồng Nai và phóng viên thường trú báo Nhân dân tại Đồng Nai; giáo viên Khoa Nghiên cứu Văn hóa người Diết - Trường Đại học Đồng Nai.

Đối tượng nêu tại điểm 12.1, 12.2, 12.3, 12.4 nêu trên có hệ số lương cộng phụ cấp vượt khung từ 5,0 trở xuống hoặc có mức trợ cấp quy đổi từ 5,0 trở xuống bao gồm các mức lương: Cán sự có 12 bậc hệ số lương tối đa là 4,06; Chuyên viên có 9 bậc, hệ số lương tối đa là 4,98; Chuyên viên chính ở bậc 2 là 4,74).

12.5. Phó Trưởng công an xã và công an viên xã (công an viên thường trực ở xã và công an viên phụ trách ở ấp);

12.6. Phó Chỉ huy trưởng quân sự, lực lượng dân quân thường trực ở huyện; ở xã, phường, thị trấn;

12.7. Thân nhân liệt sĩ đang hưởng trợ cấp hàng tháng kể cả vợ hoặc chồng của liệt sĩ đã lấy chồng hoặc vợ khác đang hưởng trợ cấp hàng tháng, người hưởng trợ cấp thờ cúng liệt sĩ hoặc đang thờ cúng Mẹ Việt Nam anh hùng. Người hoạt động kháng chiến bị nhiễm chất độc hóa học đang hưởng trợ cấp hàng tháng;

12.8. Thương binh, bệnh binh đã được xếp hạng có hồ sơ do Sở Lao động - Thương binh và Xã hội quản lý (trừ thương binh đang công tác ở những doanh nghiệp có hưởng lương);

12.9. Thương binh hiện đang công tác tại các lực lượng vũ trang do Công an và Bộ Chỉ huy quân sự tỉnh Đồng Nai quản lý và chi trả trợ cấp hàng tháng;

12.10. Mẹ Việt Nam Anh hùng, Anh hùng lực lượng vũ trang, anh hùng lao động trong kháng chiến, người có công giúp đỡ cách mạng đang hưởng trợ cấp hàng tháng. *(Riêng Mẹ Việt Nam Anh hùng được tặng kèm 01 phần quà trị giá 1.000.000 đồng);*

12.11. Người hoạt động cách mạng, kháng chiến, bảo vệ tổ quốc, làm nghĩa vụ quốc tế bị địch bắt tù đầy đang hưởng trợ cấp hàng tháng;

12.12. Người hưởng lương hưu, người hưởng trợ cấp mất sức lao động, tai nạn lao động đang được hưởng trợ cấp thường xuyên hàng tháng. Riêng các đồng chí nguyên là Giám đốc Sở và tương đương trở lên đã nghỉ hưu nhưng không là Tỉnh ủy viên được hỗ trợ thêm 01 phần quà tương đương trị giá 1.000.000 đồng;

12.13. Người được hưởng chế độ tiền tuất (từ trần);

12.14. Người được hưởng trợ cấp phục vụ Mẹ Việt Nam Anh hùng, người hoạt động kháng chiến bị nhiễm chất độc hóa học, thương binh, bệnh binh nặng, người bị tai nạn lao động nặng trên 81%;

12.15. Con của người hoạt động kháng chiến mà bản thân bị nhiễm chất độc hóa học đang được hưởng trợ cấp hàng tháng;

12.16. Gia đình, thân nhân các đồng chí cán bộ đang làm nhiệm vụ ở nơi đặc biệt khó khăn gian khổ thuộc quần đảo Trường Sa và DK1;

12.17. Quân nhân tham gia kháng chiến chống Mỹ có dưới 20 năm công tác trong quân đội đã phục viên, xuất ngũ về địa phương được hưởng chế độ trợ cấp hàng tháng theo Quyết định số 142/2008/QĐ-TTg ngày 27/10/2008, Quyết định số 53/2010/QĐ-TTg ngày 20/8/2010, Quyết định số 62/2011/QĐ-TTg ngày 09/11/2011 và Quyết định số 40/2011/QĐ-TTg ngày 27/7/2011 của Thủ tướng Chính phủ.

13. Mức 960.000 đồng/hộ hỗ trợ cho các đối tượng là:

13.1. Hộ nghèo (không tính theo số người trong hộ) theo chuẩn của địa phương theo quyết định 32/2022/QĐ-UBND ngày 29/7/2022 về quy chuẩn nghèo đa chiều của tỉnh Đồng Nai giai đoạn 2022-2025;

13.2. Người hoạt động kháng chiến bị địch bắt tù đầy nhưng chưa có hồ sơ hưởng chế độ trợ cấp thường xuyên theo quy định do hồ sơ gốc bị thất lạc.

14. Mức 720.000 đồng/người (hoặc 720.000 đồng/hộ) hỗ trợ cho các đối tượng sau:

14.1. Hộ cận nghèo (không tính theo số người trong hộ) theo chuẩn của địa phương theo quyết định 32/2022/QĐ-UBND ngày 29/7/2022 về quy chuẩn nghèo đa chiều của tỉnh Đồng Nai giai đoạn 2022-2025;

14.2. Học sinh đang học tại Trường Dân tộc nội trú của huyện; Học sinh là người dân tộc thiểu số có hộ khẩu Đồng Nai và đang theo học ở các trường đại học, dự bị đại học, cao đẳng, trung cấp và các trung tâm cơ sở giáo dục nghề nghiệp; Học sinh của Khoa Nghiên cứu Văn hóa người Diết - Trường Đại học Đồng Nai;

14.3. Vận động viên thể dục thể thao trong đội tuyển, đội trẻ và năng khiếu do Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch quản lý;

14.4. Các đối tượng ở các Trung tâm Bảo trợ xã hội công lập và ngoài công lập cấp tỉnh, cấp huyện (đã được cơ quan Nhà nước có thẩm quyền ra quyết định công nhận);

14.5. Học sinh đang học tại các Trường Dân tộc nội trú của tỉnh; Các đối tượng tại Trung tâm nuôi dạy trẻ khuyết tật thuộc Sở Giáo dục và Đào tạo;

14.6. Các đối tượng đang được hưởng chính sách trợ giúp xã hội thường xuyên tại cộng đồng.

15. Mức 480.000 đồng/người hỗ trợ cho các đối tượng sau:

15.1. Bệnh nhân đang nằm điều trị tại các cơ sở y tế của Trung ương và địa phương trên địa bàn tỉnh, do yêu cầu điều trị không về nhà ăn Tết với gia đình, phải ăn Tết tại cơ sở y tế;

15.2. Người lang thang cơ nhỡ tập trung về ăn Tết tại Trung tâm Bảo trợ huấn luyện cô nhi Biên Hòa.

16. Mức 240.000 đồng/người hỗ trợ cho các đối tượng sau:

16.1. Học viên thuộc cơ sở điều trị nghiện ma túy;

16.2. Phạm nhân đã bị kết án đang được giam giữ trong các cơ sở giam giữ thuộc lực lượng Công an địa phương quản lý; Trại viên, học viên tại Trường Giáo dưỡng số 4 (xã An Phước, huyện Long Thành); Phạm nhân tại Trại giam Xuân Lộc thuộc Bộ Công an.



Phụ lục III

TÓM TẮT QUY ĐỊNH ĐỐI TƯỢNG VÀ MỨC CHI HỖ TRỢ TẾT NGUYÊN ĐÁN NĂM 2024

(Kèm theo Báo cáo số 379 /BC-UBND ngày 31 tháng 10 năm 2024
của Ủy ban nhân dân tỉnh Đồng Nai)

1. Mức 15.000.000 đồng/người và 01 phần quà trị giá 1.500.000 đồng/người hỗ trợ cho các đồng chí nguyên ủy viên Trung ương Đảng hiện đang cư trú, sinh hoạt đảng tại Đồng Nai; nguyên Bí thư Tỉnh ủy, Phó bí thư Tỉnh ủy các khóa đã nghỉ hưu trên địa bàn tỉnh;
2. Mức 10.000.000 đồng/người và 01 phần quà trị giá 1.500.000 đồng/người hỗ trợ cho các đồng chí là ủy viên Ban Thường vụ Tỉnh ủy các khóa đã nghỉ hưu và các đồng chí hoạt động cách mạng trước Cách mạng tháng 8 năm 1945;
3. Mức 5.000.000 đồng/người và 01 phần quà trị giá 1.500.000 đồng/người hỗ trợ cho các đồng chí nguyên ủy viên Ban chấp hành Đảng bộ tỉnh các khóa;
4. Mức 3.000.000 đồng/người và 01 phần quà trị giá 1.500.000 đồng/người hỗ trợ cho các đồng chí là nguyên Phó chủ tịch HĐND tỉnh, ủy viên thường trực (không là tỉnh ủy viên) của HĐND tỉnh, Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam tỉnh hiện đã nghỉ hưu; nguyên trưởng, phó các ban Đảng, ủy viên UBKT Tỉnh ủy các khóa không là tỉnh ủy viên đã nghỉ hưu;
5. Mức 2.000.000 đồng/người và 01 phần quà trị giá 1.500.000 đồng/người hỗ trợ cho gia đình các đồng chí nguyên ủy viên Ban Thường vụ Tỉnh ủy, Ủy viên Ban Chấp hành Đảng bộ tỉnh các khóa đã từ trần; Cán bộ chính sách và gia đình cán bộ chính sách đã từ trần;
6. Hỗ trợ 01 phần quà trị giá 1.500.000 đồng/người cho các đồng chí, gia đình các đồng chí có công đóng góp cho tỉnh Biên Hòa cũ;
7. Mức 6.000.000 đồng/người và 01 phần quà trị giá 1.500.000 đồng/người hỗ trợ cho các đồng chí là đảng viên 70 năm tuổi Đảng trở lên;
8. Mức 6.000.000 đồng/người hỗ trợ cho các đồng chí là Đảng viên từ 65 năm đến 69 năm tuổi Đảng;
9. Mức 4.000.000 đồng/người hỗ trợ cho các đồng chí là Đảng viên từ 55 năm đến 64 năm tuổi Đảng;
10. Mức 3.000.000 đồng/người hỗ trợ cho các đồng chí là Đảng viên từ 40 năm đến 54 năm tuổi Đảng;
11. Mức 2.000.000 đồng/người hỗ trợ cho các đồng chí là Đảng viên từ 30 năm đến 39 năm tuổi Đảng;

12. Mức 1.200.000 đồng/người (hoặc 1.200.000 đồng/hộ) hỗ trợ cho các đối tượng sau:

12.1. Cán bộ công chức, viên chức trong biên chế và các hợp đồng lao động đã được Ban thường vụ Tỉnh ủy chấp thuận còn hiệu lực đến thời điểm hiện nay hiện đang công tác trong cơ quan quản lý nhà nước, hành chính sự nghiệp, tổ chức Đảng, các tổ chức đoàn thể, các hội quần chúng hiện đang hưởng lương từ ngân sách cấp tỉnh, cấp huyện và nhân viên của 06 bệnh viện công lập của tỉnh gồm: Bệnh viện đa khoa Đồng Nai; Bệnh viện đa khoa khu vực Long Khánh; Bệnh viện đa khoa Thống Nhất; Bệnh viện Nhi Đồng Nai; Bệnh viện đa khoa khu vực Định Quán; Bệnh viện đa khoa khu vực Long Thành;

12.2. Cán bộ, công chức cấp xã và cán bộ không chuyên trách cấp xã, cán bộ ấp, khu phố theo Nghị quyết số 32/2023/NQ-HĐND ngày 08/12/2023 của HĐND tỉnh Đồng Nai;

12.3. Cán bộ công chức, viên chức trong biên chế hiện đang công tác, làm việc ở một số cơ quan tại địa phương nhưng hưởng kinh phí theo ngành dọc: Viện kiểm sát nhân dân tỉnh, Tòa án nhân dân tỉnh, Liên đoàn Lao động tỉnh, Cục Thống kê, Cục Quản lý Thị trường, Ngân hàng Nhà nước, Cục và Chi cục Thi hành án, Bảo hiểm xã hội; Chi cục dự trữ nhà nước Đồng Nai; Kiểm toán Nhà nước khu vực XIII; Cán bộ, nhân viên của các cơ quan Thuế, Hải quan, Kho bạc Nhà nước trên địa bàn tỉnh; sĩ quan, hạ sĩ quan, quân nhân chuyên nghiệp, cán bộ chiến sĩ chính quy thuộc lực lượng vũ trang của các đơn vị gồm: Bộ chỉ huy Quân sự tỉnh, Công an tỉnh, Trại giam Xuân Lộc, Trường Giáo dưỡng số 04;

12.4. Cán bộ, nhân viên trong biên chế của một số cơ quan, trường học, bệnh viện của Trung ương nằm trên địa bàn tỉnh có mối quan hệ trực tiếp với địa phương gồm: Đài Khí tượng Thủy văn, Bệnh viện Tâm thần, Viện Pháp y tâm thần Trung ương Biên Hòa, Bệnh viện 7B, Trường Cao đẳng Thống kê II, Trường Cao đẳng Trang trí Mỹ thuật Đồng Nai, Trường Đại học Lâm nghiệp cơ sở 2 (Trảng Bom), Trường Cao đẳng Công nghệ Quốc tế Lilama II, Trường Cao đẳng Cơ giới và Thủy lợi, Vườn Quốc gia Cát Tiên, Phân xã Đồng Nai và phóng viên thường trú báo Nhân dân tại Đồng Nai; Giáo viên dạy học sinh khiếm thính của trường phổ thông Thực hành Sư phạm.

Đối tượng nêu tại điểm 12.1, 12.2, 12.3, 12.4 nêu trên có hệ số lương cộng phụ cấp vượt khung từ 5,0 trở xuống hoặc có mức trợ cấp quy đổi từ 5,0 trở xuống bao gồm các mức lương: Cán sự có 12 bậc hệ số lương tối đa là 4,06; Chuyên viên có 9 bậc, hệ số lương tối đa là 4,98; Chuyên viên chính ở bậc 2 là 4,74).

12.5. Phó Trưởng công an xã và công an viên xã (công an viên thường trực ở xã và công an viên phụ trách ở ấp);

12.6. Phó Chỉ huy trưởng quân sự, lực lượng dân quân thường trực ở huyện; ở xã, phường, thị trấn;

12.7. Thân nhân liệt sĩ đang hưởng trợ cấp hàng tháng kể cả vợ hoặc chồng của liệt sĩ đã lấy chồng hoặc vợ khác đang hưởng trợ cấp hàng tháng, người hưởng trợ cấp thờ cúng liệt sĩ hoặc đang thờ cúng Mẹ Việt Nam anh hùng; Người hoạt động kháng chiến bị nhiễm chất độc hóa học đang hưởng trợ cấp hàng tháng;

12.8. Thương binh, bệnh binh đã được xếp hạng có hồ sơ do Sở Lao động - Thương binh và Xã hội quản lý (trừ thương binh đang công tác ở những doanh nghiệp có hưởng lương);

12.9. Thương binh hiện đang công tác tại các lực lượng vũ trang do Công an và Bộ Chỉ huy quân sự tỉnh Đồng Nai quản lý và chi trả trợ cấp hàng tháng;

12.10. Mẹ Việt Nam Anh hùng, Anh hùng lực lượng vũ trang, anh hùng lao động trong kháng chiến, người có công giúp đỡ cách mạng đang hưởng trợ cấp hàng tháng. (Riêng Mẹ Việt Nam Anh hùng được tặng kèm 01 phần quà trị giá 1.000.000 đồng);

12.11. Người hoạt động cách mạng, kháng chiến, bảo vệ tổ quốc, làm nghĩa vụ quốc tế bị địch bắt tù đầy đang hưởng trợ cấp hàng tháng;

12.12. Người hưởng lương hưu, người hưởng trợ cấp mất sức lao động, tai nạn lao động đang được hưởng trợ cấp thường xuyên hàng tháng. Riêng các đồng chí nguyên là Giám đốc Sở và tương đương trở lên đã nghỉ hưu nhưng không là Tỉnh ủy viên được hỗ trợ thêm 01 phần quà tương đương trị giá 1.000.000 đồng;

12.13. Người được hưởng chế độ tiền tuất (từ trần);

12.14. Người được hưởng trợ cấp phục vụ Mẹ Việt Nam Anh hùng, người hoạt động kháng chiến bị nhiễm chất độc hóa học, thương binh, bệnh binh nặng, người bị tai nạn lao động nặng trên 81%;

12.15. Con của người hoạt động kháng chiến mà bản thân bị nhiễm chất độc hóa học đang được hưởng trợ cấp hàng tháng;

12.16. Gia đình, thân nhân các đồng chí cán bộ đang làm nhiệm vụ ở nơi đặc biệt khó khăn gian khổ thuộc quần đảo Trường Sa và DK1;

12.17. Quân nhân tham gia kháng chiến chống Mỹ có dưới 20 năm công tác trong quân đội đã phục viên, xuất ngũ về địa phương được hưởng chế độ trợ cấp hàng tháng theo Quyết định số 142/2008/QĐ-TTg ngày 27/10/2008, Quyết định số 53/2010/QĐ-TTg ngày 20/8/2010, Quyết định số 62/2011/QĐ-TTg ngày 09/11/2011 và Quyết định số 40/2011/QĐ-TTg ngày 27/7/2011 của Thủ tướng Chính phủ.

13. Mức 960.000 đồng/hộ hỗ trợ cho các đối tượng là:

13.1. Hộ nghèo (không tính theo số người trong hộ) theo chuẩn của địa phương theo quyết định 32/2022/QĐ-UBND ngày 29/7/2022 về quy chuẩn nghèo đa chiều của tỉnh Đồng Nai giai đoạn 2022-2025;

13.2. Người hoạt động kháng chiến bị địch bắt tù đầy nhưng chưa có hồ sơ hưởng chế độ trợ cấp thường xuyên theo quy định do hồ sơ gốc bị thất lạc.

14. Mức 720.000 đồng/người (hoặc 720.000 đồng/hộ) hỗ trợ cho các đối tượng sau:

14.1. Hộ cận nghèo (không tính theo số người trong hộ) theo chuẩn của địa phương theo quyết định 32/2022/QĐ-UBND ngày 29/7/2022 về quy chuẩn nghèo đa chiều của tỉnh Đồng Nai giai đoạn 2022-2025;

14.2. Học sinh đang học tại Trường Dân tộc nội trú của huyện; Học sinh là người dân tộc thiểu số có hộ khẩu Đồng Nai và đang theo học ở các trường đại học, dự bị đại học, cao đẳng, trung cấp và các trung tâm cơ sở giáo dục nghề nghiệp; Học sinh khiếm thính của trường Thực hành sư phạm;

14.3. Vận động viên thể dục thể thao trong đội tuyển, đội trẻ và năng khiếu do Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch quản lý;

14.4. Các đối tượng bảo trợ xã hội ở các Trung tâm Bảo trợ xã hội công lập và ngoài công lập cấp tỉnh, cấp huyện (đã được cơ quan Nhà nước có thẩm quyền ra quyết định công nhận);

14.5. Học sinh đang học tại các Trường Dân tộc nội trú của tỉnh; Các đối tượng tại Trung tâm nuôi dạy trẻ khuyết tật thuộc Sở Giáo dục và Đào tạo;

14.6. Các đối tượng đang được hưởng chính sách trợ giúp xã hội thường xuyên tại cộng đồng.

15. Mức 500.000 đồng/người hỗ trợ cho các đối tượng sau:

15.1. Bệnh nhân đang nằm điều trị tại các cơ sở y tế của Trung ương và địa phương trên địa bàn tỉnh, do yêu cầu điều trị không về nhà ăn Tết với gia đình, phải ăn Tết tại cơ sở y tế;

15.2. Người lang thang cơ nhỡ tập trung về ăn Tết tại Trung tâm công tác xã hội tỉnh Đồng Nai.

16. Mức 240.000 đồng/người hỗ trợ cho các đối tượng sau:

16.1. Học viên thuộc cơ sở điều trị nghiện ma túy;

16.2. Phạm nhân đã bị kết án đang được giam giữ trong các cơ sở giam giữ thuộc lực lượng Công an địa phương quản lý; Trại viên, học viên tại Trường Giáo dưỡng số 4 (xã An Phước, huyện Long Thành); Phạm nhân tại Trại giam Xuân Lộc thuộc Bộ Công an.